

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-ST  
Ngày: 08-9-2020  
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng
2. Ông Phạm Sơn Điền

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2020/TLST- DS ngày 01/6/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2020/QĐXXST-DS ngày 03/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2020/QĐST- DS ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp Tân Phú, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt

- Người làm chứng: Ông Lê Văn L2, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày: Vào ngày 09/01/2020 ông Nguyễn Văn L1 với sự giới thiệu của ông Lê Văn L2 có hỏi vay của tôi với số tiền 60.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, hẹn trong một tuần lễ trả cho tôi. Sau khi thỏa thuận tôi đồng ý cho ông L1 vay 60.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng và ông

L1 có ký biên nhận nợ với tôi, sau đó ông L1 đem tiền trả nợ và vay lại của Ngân hàng ông L1 đem tiền về nhưng không trả cho tôi cho đến nay, tôi có đến đòi thì ông L1 cố tình lánh mặt mà không trả cho tôi.

Việc ông L1 vay của tôi có ông L2 biết và làm chứng và ông L1 có ký biên nhận với tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L1 trả cho tôi số tiền vay 60.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng tính đến nay là 5 tháng lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông L1 vẫn vắng mặt không lý do.

- Người làm chứng ông Lê Văn L2 trình bày: Vào cuối năm 2018 tôi đem tiền trả nợ cho Ngân hàng vì tôi vay đã đến hạn trả. Khi đó tôi gặp ông L1 đang ở Ngân hàng, ông L1 hỏi tôi sao có tiền trả cho Ngân hàng, tôi nói vay đỡ của bạn bè để trả cho Ngân hàng sao đó vay lại của Ngân hàng rồi trả cho bạn. Khoảng hơn một năm thì ông L1 đến năng nỉ tôi, nhờ tôi giới thiệu người cho vay để ông L1 vay trả cho Ngân hàng. Khi đó tôi điện thoại hỏi ông T, ông T trả lời không có tiền, vài ngày sau ông T nói có tiền. Khi đó tôi mới điện thoại báo cho ông L1 biết là ông T đã có tiền, tôi cùng với ông L1 đến nhà ông T. Khi đó giữa ông T với ông L1 nói chuyện với nhau và đôi bên đi đến thống nhất, ông T cho ông L1 vay 60.000.000 đồng và ông L1 ký biên nhận với ông T vào ngày 09/01/2020 sau đó thì ông L1 đem tiền trả nợ cho Ngân hàng. Ông L1 vay tiền lại của Ngân hàng về không trả cho ông T mà ông L1 ôm tiền rồi lánh mặt đi mất luôn cho đến nay. Tôi với ông T chạy xe đi tìm ông L1 mấy ngày nhưng không gặp, ông L1 cùng vợ con đi lánh mặt đâu không ai biết. Đến nay ông L1 vẫn chưa trả cho ông T tiền vay là 60.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không được do ông L1 vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố: Biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn L2 ngày 06/7/2020, biên bản xác minh hộ khẩu của Công an xã Tân Thạnh ngày 31/7/2020, biên bản không lấy được lời khai ông L1 ngày 31/7/2020, thông báo thu thập được tài liệu chứng cứ số 575/TB- TA ngày 31/7/2020.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu và quan điểm.

Ông T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; ông L1 không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, ông Phạm Văn T với ông Nguyễn Văn L1 Hợp đồng vay tài sản với nhau, có ký giấy nợ vào ngày 09/01/2020 có người làm chứng là ông Lê Văn L2. Yêu cầu của ông Phạm Văn T là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc ông L1 phải có nghĩa vụ trả cho ông T 60.000.000 đồng và lãi suất kèm theo đến nay là 8 tháng lãi theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp Núi Nồi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa ông Phạm Văn T với ông Nguyễn Văn L1, đôi bên có ký biên nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận được pháp luật xem xét và bảo vệ.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Phạm Văn T cho rằng ngày 09/01/2020 ông Nguyễn Văn L1 với sự giới thiệu của ông Lê Văn L2 có hỏi vay của ông với số tiền 60.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng, hẹn trong một tuần lễ trả cho ông. Sau khi thỏa thuận ông T đồng ý cho ông L1 vay 60.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng và ông L1 có ký biên nhận nợ với ông T, sau đó ông L1 đem tiền trả nợ và vay lại của Ngân hàng ông L1 đem tiền về nhưng không trả cho ông T cho đến nay, ông T có đến đòi thì ông L1 cố tình lách mặt mà không trả cho ông T.

Ngoài tờ biên nhận ngày 09/01/2020 có chữ ký của ông L thì ông T còn cung cấp người làm chứng là ông Lê Văn L2;

- Ông Lê Văn L2 trình bày: Vào cuối năm 2018 ông L2 đem tiền trả nợ cho Ngân hàng vì ông vay đã đến hạn trả. Khi đó ông gặp ông L1 đang ở Ngân hàng, ông L1 hỏi ông sao có tiền trả cho Ngân hàng, ông nói vay đỡ của bạn bè để trả cho Ngân hàng sao đó vay lại của Ngân hàng rồi trả cho bạn. Khoảng hơn một năm thì ông L1 đến nhắc nhở L2, nhờ ông giới thiệu người cho vay để ông L1 vay trả cho Ngân hàng. Khi đó ông điện thoại hỏi ông T, ông T trả lời không có tiền, vài ngày sau ông T nói có tiền. Khi đó ông mới điện thoại báo cho ông L1 biết là ông T đã có tiền, ông cùng với ông L1 đến nhà ông T. Khi đó giữa ông T với ông L1 nói chuyện với nhau và đôi bên đi đến thông nhất, ông T cho ông L1 vay 60.000.000 đồng, ông L1 ký biên nhận với ông T vào ngày 09/01/2020 sau đó thì ông L1 đem tiền trả nợ cho Ngân hàng. Ông L1 vay tiền lại của Ngân hàng về không trả cho ông T mà ông L1 ôm tiền rồi lánh mặt đi mất. Ông L2 với ông T chạy xe đi tìm ông L1 mấy ngày nhưng không gặp, ông L1 cùng vợ con đi lánh mặt đâu không ai biết. Đến nay ông L1 vẫn chưa trả cho ông T tiền vay.

Như vậy đã có đủ căn cứ cho thấy vào ngày 09/01/2020 ông Nguyễn Văn L1 đến vay của ông Phạm Văn T số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, đến nay ông L1 chưa trả cho ông T. Ông L1 hoàn toàn có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với ông T. Nay ông T yêu cầu ông L1 phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T yêu cầu ông L1 phải trả lãi suất, theo thỏa thuận của đôi bên lãi 3%/tháng là cao. Nhằm bảo đảm quyền lợi cho cả đôi bên, nên điều chỉnh lãi, mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với tiền là 1,66%/tháng. Tính ra từ ngày vay đến nay là 8 tháng  $\times 60.000.000$  đồng  $\times 1,66\%/tháng = 7.968.000$  đồng tiền lãi.

Vậy tổng cộng vốn và lãi ông L1 phải trả cho ông T là 67.968.000 đồng.

Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong bản án này mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do cơ quan Thi hành án xét giải quyết.

[4] Về án phí DSST: Do ông Nguyễn Văn L1 có lỗi với ông T. Do đó, ông L1 phải chịu toàn bộ tiền án phí là 3.398.000 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng). Ông Phạm Văn T được hoàn lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002328 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn L1 phải có nghĩa vụ trả cho Phạm Văn T vốn và lãi suất là 67.968.000 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 3.398.000 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng). Ông Phạm Văn T được hoàn lại 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002328 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn văn L1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**Ngô Thế Minh**